

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn giữa chị
Mai Thị V và anh Đặng Anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KV 7 - NB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Văn Giản
2. Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân KV 7 - NB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình: Bà Nguyễn Thu Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân KV 7 - NB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị V, sinh ngày 01-11-1974; số CCCD: 036174009926; địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N).

* *Bị đơn:* Anh Đặng Anh D, sinh ngày 23-7-1973; số CCCD: 036073028533; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 26/29 đường Nguyễn Tri P, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cư trú: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N).

(Tại phiên tòa chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 02-4-2025, bản tự khai ngày 03-4-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là chị Mai Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Anh D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06-11-2000 tại Ủy ban nhân dân phường Phan Đình Phùng, thành phố N, tỉnh N (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình). Quá trình chung sống giữa chị và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Từ tháng 6-2024 đến nay mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng hơn, mặc dù ở cùng nhà nhưng hai bên không quan tâm, chăm sóc nhau. Bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh Đặng Anh D có 02 (hai) con chung là Đặng Vân A, sinh ngày 23-10-2002, giới tính: Nữ, số định danh cá nhân: 036302002272 và Đặng Quang H, sinh ngày 05-02-2008, giới tính: Nam, số định danh cá nhân: 036208003473. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đặng Quang H. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Đối với cháu Đặng Vân A đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được 01 tài sản chung là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N); thửa đất số 355 tờ bản đồ số 10 có diện tích đất 44,8m², trên đất có 01 nhà bê tông 2 tầng 01 tum. Nhà đất được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh N (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CLI 330246 ngày 24-6-2020 đứng tên Mai Thị V và Đặng Anh D.

Về nguồn gốc hình thành nhà đất: Năm 2001 vợ chồng chị mua nhà đất diện tích 35m² tại đường Phan Chu Trinh, phường Trần Hưng Đ, thành phố N (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình). Vợ chồng sống tại nhà đất được khoảng 2 năm thì bán với giá 120.000.000 đồng. Mẹ chị là Bà Hoàng Thị Vinh có 01 nhà đất tại đường Hoàng Văn T. Khi vợ chồng chuyển nhượng nhà đất thì bà Hoàng Thị Vinh cũng bán nhà đất của mình với giá 80.000.000 đồng và góp khoản tiền này với anh chị để mua nhà đất tại địa chỉ 4/33 Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N với giá là 220.000.000 đồng và về sống cùng anh chị. Nhà đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng chị và bà Hoàng Thị Vinh. Đến ngày 04-4-2012 vợ chồng chị và bà Vinh thống nhất chuyển nhượng nhà đất này với giá 750.000.000 đồng để mua lại nhà đất tại địa chỉ 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N (nay là 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình) với giá 750.000.000 đồng của vợ chồng chị gái của anh D là Đặng

Ngọc Kha và Đặng Thị Thu Hương. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Văn phòng công chứng Hoàng Tiên đúng quy định pháp luật. Ngày 23-4-2012 Văn phòng đăng ký và thông tin nhà đất đã ghi thông tin chuyển nhượng tại mục VI – Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 674822 ngày 21-10-2005, cụ thể: chuyển nhượng cho bà Mai Thị V, ông Đặng Anh D và bà Hoàng Thị Vinh. Ngày 05-5-2020 bà Hoàng Thị Vinh đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng công chứng Phú Lộc với nội dung: tặng cho con gái là Mai Thị V phần diện tích quyền sử dụng đất mà mình được hưởng là 14,933m² của thửa đất số 355 tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N đồng thời tặng cho con gái là Mai Thị V phần tài sản mà bà được hưởng của căn nhà bê tông 2 tầng trên thửa đất số 355 tờ bản đồ số 10 (không ghi diện tích nhà). Đến ngày 24-6-2020 Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU330426 đứng tên Mai Thị V và Đặng Anh D, trong đó ghi rõ phần diện tích nhà đất chị được sử dụng là 29,867m² và phần diện tích nhà đất anh D được sử dụng là 14,933m².

Quá trình sử dụng nhà đất: Năm 2015 vợ chồng xây thêm 01 tum lợp mái tôn trên tầng 2 để phơi quần áo. Căn nhà 2 tầng anh chị và bà Vinh vẫn giữ nguyên trạng. Sau khi bà Hoàng Thị Vinh chết vào tháng 9-2023 đến hiện tại anh chị cũng không xây dựng, sửa chữa gì.

Quan điểm về giải quyết tài sản chung: chị đề nghị chia bằng hiện vật, chị sở hữu nhà đất và sẽ thanh toán giá trị nhà đất cho anh Đặng Anh D tương ứng với phần nhà đất anh D được sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU330426 ngày 24-6-2020.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh chị không có nghĩa vụ chung về tài sản nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 18-4-2025 và ngày 09-5-2015 bị đơn là anh Đặng Anh D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận điều kiện kết hôn như chị Mai Thị V trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì những nguyên nhân như sau: chị V luôn kiểm soát thời gian anh đi làm và nghỉ ngơi, kiểm soát anh về vấn đề tài chính; chị V giao lưu bạn bè, không quan tâm đến gia đình kể cả việc nội trợ, vợ chồng không ăn cơm chung mà chỉ nấu cơm cho con. Anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng ngột ngạt nên anh thường xuyên đi về muộn. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được, vợ chồng không nói chuyện với nhau. Tuy nhiên con gái lớn sắp lập gia đình, con trai đang học lớp 12, anh muốn các con được ổn định tâm lý nên không muốn giải quyết ly hôn tại thời điểm này. Nếu chị V vẫn giữ quan điểm ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 2 con chung như chị V trình bày. Anh D không trình bày quan điểm về con chung nếu ly hôn.

- Về tài sản chung: Anh xác nhận quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được 01 tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N (nay là 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình); thửa đất số 355 tờ bản đồ số 10 có diện tích đất 44,8m². Nhà đất được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh N (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CLI 330246 ngày 24-6-2020 đứng tên Mai Thị V và Đặng Anh D. Trên giấy chứng nhận thể hiện phần diện tích nhà đất chị V được sử dụng là 29,867m² và phần diện tích nhà đất anh D được sử dụng là 14,933m². Anh không đồng ý chia tài sản theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì khi chị V làm thủ tục sang tên nhà đất không có mặt anh.

Ngoài tài sản chung trên anh trình bày quan điểm đề nghị Tòa án xác định lại tài sản là nhà đất ở Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh đang cho thuê, tài sản là đất ở thành phố Nha Trang.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Đặng Anh D không trình bày quan điểm giải quyết.

3. *Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-6-2025 cháu Đặng Quang H trình bày nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.*

4. *Tại biên bản xác minh ngày 11-4-2025 chính quyền địa phương nơi chị V và anh D cư trú cung cấp:* Chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D hiện đang sống ở địa chỉ số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N). Chị V và anh Dung có đăng ký kết hôn vào ngày 06-11-2000 tại UBND phường Phan Đình Phùng (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình). Anh chị có 02 con chung là Đặng Vân A, sinh ngày 23-10-2002 và Đặng Quang H, sinh ngày 05-02-2008. Địa phương có biết việc chị V và anh D xảy ra mâu thuẫn trong quá trình chung sống nhưng không biết nguyên nhân. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

5. *Tại biên bản xác minh ngày 24-6-2025 UBND phường Trần Hưng Đ, thành phố N (nay là UBND phường N, tỉnh Ninh Bình) cung cấp:* Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N có diện tích 44,8m² có nguồn gốc là của ông Đặng Ngọc Kha và bà Đặng Thị Thu Hương nhận chuyển nhượng của ông Trần Khắc Điệp. Thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 674822 ngày 21-10-2005. Ngày 04-04-2012 ông Kha và bà Hương chuyển nhượng thửa đất trên đó có 01 nhà bê tông 02 tầng cho bà Mai Thị V, ông Đặng Anh D và bà Hoàng Thị Vinh. Ngày 23-4-2012 Văn phòng đăng ký thông tin nhà đất thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N đã xác nhận nội dung chuyển nhượng trên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 674822. Đến ngày 05-5-2020 bà Hoàng Thị Vinh lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với nội dung tặng cho cho chị Mai Thị V phần diện tích đất và nhà mà mình được hưởng là 14.933m². Hợp đồng tặng cho được công chứng theo quy định pháp luật. Ngày 24-6-2020 Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 330426 đối với thửa đất trên cho chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D trên đó thể hiện diện tích chị V được sử dụng là 29,867m² còn anh Đặng Anh D được sử dụng diện tích là 14.933m².

Hiện trạng thửa đất có vị trí giáp ranh như sau: Phía Bắc giáp ngõ 53 Hoàng Văn T; Phía Nam giáp thửa đất số 362 tờ bản đồ số 10 phường Trần Hưng Đ; Phía Đông giáp thửa đất số 356 tờ bản đồ số 10 phường Trần Hưng Đ; Phía Tây giáp thửa đất số 354 tờ bản đồ số 10 phường Trần Hưng Đ. Hiện tại UBND phường không nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất giữa thửa đất số 355, tờ bản đồ số 10 đối với các thửa đất liền kề.

6. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá ngày 09-7-2025:

+ Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09-7-2025 Hội đồng xem xét thẩm định xác định:

Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N (nay là số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình) có diện tích 44,8m² có vị trí giáp ranh như sau: Phía Bắc giáp ngõ 53 Hoàng Văn T; Phía Nam giáp thửa đất số 362 tờ bản đồ số 10 phường Trần Hưng Đ; Phía Đông giáp thửa đất số 356 tờ bản đồ số 10 phường Trần Hưng Đ; Phía Tây giáp thửa đất số 354 tờ bản đồ số 10 phường Trần Hưng Đ. Về tài sản trên đất: 01 nhà bê tông 2 tầng bê tông cốt thép, 01 tum, mái tầng tum lợp tôn kết hợp đổ bê tông cốt thép; có diện tích xây dựng là 44,8m². Nhà đất đang do chị V và anh D quản lý sử dụng.

+ Kết quả định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 198/2025/2507020/TĐG/VAC-CTTĐG ngày 23-7-2025 của Công ty cổ phần Tư vấn và Thẩm định Việt Nam xác định quyền sử dụng đất có giá trị: 1.159.379.000 đồng; tài sản gắn liền với đất có giá trị: 391.515.300 đồng. Tổng cộng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 1.550.894.000 đồng.

7. Tại phiên tòa: Anh Đặng Anh D thay đổi quan điểm nhất trí ly hôn với chị Mai Thị V. Về con chung: Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đặng Quang H và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Trước phiên tòa anh đã nói chuyện với cháu Huy và biết quan điểm của cháu muốn ở với mẹ, tuy nhiên nếu con chung ở với anh sẽ có môi trường sống tốt hơn vì sau khi ly hôn anh sẽ về ở với bố mẹ, cháu sẽ được sống gần với ông bà. Về tài sản chung: anh xác định nguồn gốc thửa đất số 355, tờ bản đồ số 10 và căn nhà 2 tầng trên thửa đất tại địa chỉ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N (nay là số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình) là tài sản chung của anh và chị Mai Thị V. Anh chị nhận chuyển nhượng nhà đất trên của ông Đặng Ngọc Kha và bà Đặng Thị Thu Hương vào năm 2012 với giá 750.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền này là do vợ chồng chuyển nhượng nhà đất cũ tại địa chỉ 4/33 Hoàng Văn T mà có. Khi làm hợp đồng chuyển nhượng nhà đất với vợ chồng ông Kha và bà Hương tại Văn phòng công chứng Hoàng Tiên ở đường Hàng Đồng anh có đến ký vào các giấy tờ tuy nhiên do bận công việc anh về trước nên không

biết trong hợp đồng có ghi tên bà Hoàng Thị Vinh – là mẹ của chị Mai Thị V. Sau khi nhà đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì chị V giữ. Khoảng năm 2018 – 2019 khi vợ chồng làm thủ tục thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng thì anh mới biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng và cả bà Hoàng Thị Vinh nhưng anh không có ý kiến gì. Nay, anh đã đồng ý ly hôn nên không tranh chấp với chị V về tài sản chung. Quan điểm của anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo phần quyền sở hữu của mỗi người đã được ghi nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 330426 ngày 26-4-2020 đứng tên anh và chị Mai Thị V.

Chị Mai Thị V vẫn nguyên quan điểm như đã trình bày về ly hôn, con chung. Về tài sản chung: chị không đồng ý với lời trình bày của anh Đặng Anh D về việc nguồn gốc nhà đất là của vợ chồng. Trong số tiền vợ chồng nhận chuyển nhượng nhà đất cũ tại địa chỉ 4/33 Hoàng Văn T thì mẹ chị là bà Hoàng Thị Vinh có bán nhà đất của mình góp tiền mua nhà đất với anh chị. Sau khi chuyển nhượng nhà đất trên được 750.000.000 đồng bà Vinh cùng anh chị mua lại nhà đất của ông Đặng Ngọc Kha và bà Đặng Thị Thu Hương. Việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng chị và bà Hoàng Thị Vinh anh D đều biết nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng mới đứng tên vợ chồng anh chị và bà Vinh. Năm 2020 bà Vinh tặng cho phần tài sản của bà cho chị nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đứng tên vợ chồng. Nay anh D nhất trí đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo phần quyền sở hữu của mỗi người ghi nhận trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị nhất trí, không có ý kiến gì.

8. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Đặng Quang H, sinh ngày 05-02-2008. Buộc anh Đặng Anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 9-2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chia cho chị Mai Thị V sở hữu quyền sử dụng

44,8m² đất và căn nhà 02 tầng 01 tum trên đất, thửa đất số 355, tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N (địa chỉ mới là 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình), được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 330426 ngày 26-4-2020 đứng tên chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D có trị giá là 1.550.894.000 đồng (Một tỉ năm trăm năm mươi triệu tám trăm chín mươi tư nghìn đồng). Chị Mai Thị V phải thanh toán cho anh Đặng Anh D giá trị nhà đất thuộc quyền sở hữu của anh Đặng Anh D là 516.953.100 đồng (Năm trăm mười sáu triệu chín trăm năm mươi ba nghìn một trăm đồng). Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Mai Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 06-11-2000 tại Ủy ban nhân dân phường Phan Đình Phùng, thành phố N, tỉnh N (nay là ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình) nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Theo anh D trình bày vợ chồng mâu thuẫn do chị V luôn kiểm soát thời gian và tài chính của anh; chị V không quan tâm đến gia đình kể cả việc nội trợ. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không giải quyết được dẫn đến việc vợ chồng không nói chuyện với nhau mặc dù vẫn ở cùng nhà. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn, anh D thay đổi quan điểm nhất trí ly hôn với chị V.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D.

[2] Về con chung:

Chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D có 02 (hai) con chung là Đặng Vân A, sinh ngày 23-10-2002, giới tính: Nữ, số định danh cá nhân: 036302002272 và Đặng Quang H, sinh ngày 05-02-2008, giới tính: Nam, số định danh cá nhân:

036208003473. Chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D đều có quan điểm xin được nuôi dưỡng con chung là Đặng Quang H.

Xét thấy, cháu Đặng Quang H trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, chị V cũng có quan điểm muốn được nuôi dưỡng con chung. Theo anh D trình bày, trước khi tham gia phiên tòa anh đã nói chuyện với cháu Huy và cháu vẫn giữ quan điểm muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử giao cháu Đặng Quang H cho chị Mai Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu Đặng Vân A đã trưởng thành tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo anh D trình bày hiện anh đang làm nhân viên Ngân hàng BIDV, thu nhập mỗi tháng hơn 10.000.000 đồng. Chị Mai Thị V yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con chung, căn cứ vào khả năng thực tế của anh D Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị V, buộc anh Đặng Anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9-2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về yêu cầu chia tài sản chung:

- Xác định tài sản chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N) cung cấp có cơ sở xác định: Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N (nay là 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình), diện tích 44,8m² có nguồn gốc là của ông Đặng Ngọc Kha và bà Đặng Thị Thu Hương nhận chuyển nhượng của ông Trần Khắc Điệp vào năm 1992. Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 674822 ngày 21-10-2005 đứng tên ông Đặng Ngọc Kha và bà Đặng Thị Thu Hương. Ngày 04-04-2012 ông Kha và bà Hương chuyển nhượng thửa đất và 01 nhà bê tông 02 tầng trên đất cho chị Mai Thị V, anh Đặng Anh D và bà Hoàng Thị Vinh theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Hoàng Tiên, số công chứng 577 ngày 04-04-2012 theo đúng quy định pháp luật. Ngày 23-4-2012 Văn phòng đăng ký và thông tin nhà đất đã xác nhận nội dung chuyển nhượng trên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 674822. (Bà Hoàng Thị Vinh, sinh năm 1937 là mẹ chị Mai Thị V - chết tháng 9 năm 2023). Như vậy, quyền sử dụng đất và nhà bê tông 2 tầng 01 tum trên thửa đất số 355 tờ bản đồ số 10 là tài sản chung theo phần của vợ chồng chị Mai Thị V, anh Đặng Anh D và bà Hoàng Thị Vinh. Theo quy định tại Điều 209 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mỗi sở hữu chung theo phần có quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung thuộc sở chung tương ứng với phần quyền sở hữu của mình. Ngày 05-5-2020 bà Hoàng Thị Vinh lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với nội dung tặng cho chị Mai Thị V phần diện tích đất và nhà mà mình được hưởng là 14.933m². Hợp đồng tặng cho được công chứng theo quy định pháp luật. Ngày 24-6-2020 Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N đã cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 330426 đối với thửa đất trên cho chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D trên đó thể hiện diện tích chị V được sử dụng là 29,867m² còn anh Đặng Anh D được sử dụng diện tích là 14,933m². Do vậy, chị V yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là có căn cứ pháp luật.

Xác định giá trị tài sản sở hữu: Căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05-5-2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 330426 thể hiện diện tích nhà đất chị V được sử dụng là 29,867m² trong tổng diện tích nhà đất 44,8m², anh Đặng Anh D được sử dụng diện tích là 14,933m² trong tổng diện tích nhà đất 44,8m². Tại phiên tòa, chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D đều thống nhất đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo phần quyền sở hữu của mỗi người được ghi nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào kết quả định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 198/2025/2507020/TĐG/VAC-CTTĐG ngày 23-7-2025 của Công ty cổ phần Tư vấn và Thẩm định Việt Nam xác định tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, thửa đất 355 tờ bản đồ số 10 là 1.550.894.000 đồng, tức là phần giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất chị V được sở hữu tương đương với diện tích 29,867m² là 1.033.940.872 đồng (làm tròn là 1.033.940.900 đồng); phần giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của anh D được sở hữu tương đương với 14,933m² là 516.953.127 đồng (làm tròn là 516.953.100 đồng).

Chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D đều có nguyện vọng được sở hữu, sử dụng nhà đất và thanh toán cho một bên giá trị phần tài sản thuộc sở hữu của mình. Xét thấy, thửa đất số 355, tờ bản đồ số 10 có diện tích nhỏ là 44,8m², trên đất đã có công trình xây dựng kiên cố, không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định pháp luật. Trong khối tài sản chung của chị V, anh D thì giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị V là nhiều hơn, chị V được Tòa án giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung và khả năng thi hành án Hội đồng xét xử giao cho chị Mai Thị V sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 355, tờ bản đồ số 10 và 01 căn nhà bê tông 2 tầng 01 tum trên thửa đất có tổng trị giá là 1.550.894.000 đồng và thanh toán cho anh D giá trị nhà đất thuộc quyền sở hữu của anh Đặng Anh D là 516.953.100 đồng.

Chị Mai Thị V có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Đặng Anh D trình bày quan điểm xác định tài sản là nhà đất ở Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh đang cho thuê, tài sản là đất ở tại thành phố Nha Trang là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh và chị Mai Thị V, tuy nhiên anh không tranh chấp và không có yêu cầu gì. Trong gia đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã yêu cầu anh D cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng, ban hành Thông báo về thủ tục

phản tố đối với bị đơn nhưng hết thời hạn theo quy định anh D không cung cấp và không có yêu cầu phản tố, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Mai Thị V xác định vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản, anh Đặng Anh D không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chị Mai Thị V đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự thì chị V và anh D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia. Chị V đã nộp 19.617.000 đồng nên buộc anh D phải hoàn trả cho chị V số tiền là 6.538.854 đồng (làm tròn là 6.538.800 đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D mỗi người nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Mai Thị V tự nguyện nộp toàn bộ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người có nghĩa vụ cấp dưỡng là anh Đặng Anh D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí chia tài sản: Căn cứ vào Khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D mỗi người phải nộp án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được chia. Cụ thể chị Mai Thị V phải nộp là $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.033.740.900 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 43.012.227 \text{ đồng}$ (làm tròn là 43.012.200 đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 15.800.000 đồng chị Mai Thị V còn phải nộp là 27.212.200 đồng.

Anh Đặng Anh D phải nộp án phí chia tài sản là $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% (516.953.100 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 24.678.124 \text{ đồng}$ (làm tròn là 24.678.100 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 55, Khoản 3 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 209 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D.

2. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Đặng Quang H, sinh ngày 05-02-2008, giới tính: Nam, số định danh cá nhân: 036208003473.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đặng Anh D cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 9-2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Anh D vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn của chị Mai Thị V.

Chia cho chị Mai Thị V sở hữu quyền sử dụng 44,8m² đất và căn nhà 02 tầng 01 tum trên đất, thửa đất số 355, tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N (nay là 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình), được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 330426 ngày 26-4-2020 đứng tên chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D có trị giá là 1.550.894.000 đồng (Một tỉ năm trăm năm mươi triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn đồng). Chị Mai Thị V phải thanh toán cho anh Đặng Anh D giá trị nhà đất thuộc quyền sở hữu của anh Đặng Anh D là 516.953.100 đồng (Năm trăm mười sáu triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn một trăm đồng). Buộc anh Đặng Anh D giao cho chị Mai Thị V quyền sử dụng 44,8m² đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 355, tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ: Số 25/53 đường Hoàng Văn T, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh N (nay là 25/53 đường Hoàng Văn T, phường N, tỉnh Ninh Bình).

Chị Mai Thị V có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Đặng Anh D phải hoàn trả cho chị Mai Thị V số tiền chi phí xem xét thẩm định và thẩm định giá tài sản là 6.538.800 đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng).

5. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mai Thị V tự nguyện nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Mai Thị V đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002715 ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh N (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Anh D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Về án phí chia tài sản: Chị Mai Thị V phải nộp 43.012.200 đồng (Bốn mươi ba triệu không trăm mười hai nghìn hai trăm đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Mai Thị V đã nộp là 15.800.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002714 ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh N (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình), chị Mai Thị V còn phải nộp là 27.212.200 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm mười hai nghìn hai trăm đồng).

Anh Đặng Anh D phải nộp 24.678.100 đồng (Hai mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn một trăm đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị V và anh Đặng Anh D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Ninh Bình;
 - VKSND tỉnh Ninh Bình;
 - VKSND KV 7 - NB;
 - THADS tỉnh Ninh Bình;
 - UBND phường N, tỉnh Ninh Bình
- (ĐKKH ngày 06-11-2000);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Mai Thị Thu Hiền